

Bản án số: 05/2022/DS-ST

Ngày: 12-01-2022

V/v: Tranh chấp về hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hồng Thẩm
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Quách Đình Hoàng
2. Bà Doãn Thị Lệ
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mai Hải – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố P tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thanh Trúc – Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 01 năm 2022, tại: Trụ sở Toà án nhân dân thành phố P xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 251/2021/TLST-DS ngày 08 tháng 10 năm 2021 về : “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 146/2021/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam.

Địa chỉ: 02 Láng Hạ, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Đức L, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Đông Gia Lai Phòng Giao dịch Chư Á. Là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn. (Văn bản ủy quyền số 2965/QĐ – NHNo-PC ngày 27-12-2019 và Văn bản ủy quyền số 658/NHNo. ĐGL-KTKS ngày 21-5-2021). Có mặt.

Bị đơn: Bà Cao Thị D, sinh năm 1972 và ông Trần Đình Tr, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Làng C 2, phường Th L, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 8 năm 2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam do người đại diện theo ủy quyền là ông Trần Đức L trình bày:

Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (Sau đây viết tắt là: Ngân hàng Agribank) thông qua Phòng Giao dịch Chư Á - Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Đông Gia Lai và bà Cao Thị D, ông Trần Đình T đã ký kết Hợp đồng tín dụng số: 5020-LAV-201901702 ngày 19-10-2019 với nội dung hợp đồng:

- Hạn mức cho vay: 300.000.000 đồng (Bằng chữ : Ba trăm triệu đồng).

- Mục đích sử dụng vốn vay: Chi phí kinh doanh, sản xuất, phục vụ đời sống gia đình.
- Thời gian duy trì hạn mức: 03 năm, kể từ ngày ký kết Hợp đồng này.
- Thời hạn cho vay: 12 tháng, ngày trả nợ cuối cùng là ngày 19-10-2020
- Lãi suất tiền vay trong hạn là: 10,3%/năm. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất tiền vay trong hạn. Lãi suất chậm trả 10%/năm.

Để đảm bảo nợ vay tại Hợp đồng tín dụng nêu trên bà Cao Thị D và ông Trần Đình T đã thế chấp cho nguyên đơn quyền sử dụng đất và tài sản trên đất thuộc thửa đất số 156, tờ bản đồ số 11, diện tích 77m² tại Làng Chuyết 2, phường Th L, thành phố P, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 300799 do Ủy ban nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai cấp ngày 17-10-2011 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 2317090791/HĐTC ngày 19-9-2017.

Ngày 19-10-2019, Ngân hàng Agribank đã giải ngân số tiền vay trên theo Báo cáo đề xuất giải ngân kèm giấy nhận nợ số giải ngân: 5020-LDS – 201903197.

Trong quá trình quan hệ tín dụng, bà D và ông T chỉ trả lãi được ba kỳ và không trả nợ gốc cho Ngân hàng. Ngân hàng Agribank đã nhiều lần liên lạc với khách hàng nhưng bà D và ông T không đến Ngân hàng để làm việc, bà D và ông T đã không thực hiện nghĩa vụ của mình nên đã vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký kết. Vì vậy, Ngân hàng Agribank yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc bà Cao Thị D và ông Trần Đình T phải trả cho Ngân hàng Agribank một lần toàn bộ số nợ gốc và tiền lãi phát sinh tạm tính đến ngày xét xử là ngày 12-01-2022 tổng cộng số tiền là: 365.797.459 đồng (*Ba trăm sáu mươi lăm triệu bảy trăm chín mươi bảy nghìn bốn trăm năm mươi chín đồng*) và tiền lãi tiếp tục phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số: 5020-LAV-201901702 ngày 19-10-2019 tương ứng với thời gian chậm trả cho đến ngày thanh toán xong nợ gốc. Sau khi bà Cao Thị D và ông Trần Đình T trả hết toàn bộ số nợ cho Ngân hàng Agribank, thì Ngân hàng Agribank sẽ trả lại cho bà D và ông T Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 300799 do Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai cấp ngày 17-10-2011

- Trong trường hợp bà D và ông T vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Agribank thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền, tiến hành kê biên, phát mãi tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất mà bà D và ông T đã thế chấp cho Ngân hàng để xử lý thu hồi nợ.

Đối với bị đơn bà Cao Thị D và ông Trần Đình T: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đề tham dự phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh đã thanh toán số tiền vay.

Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai đối với thửa đất là tài sản thế chấp thể hiện:

Bà Cao Thị D và ông Trần Đình T đang quản lý và sử dụng thửa đất được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 300799, Thửa đất số 158, tờ bản đồ số 11, diện tích: 77m² do Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai cấp ngày 17-10-2011. Địa chỉ thửa đất Làng Chút 2, phường T L, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Tài sản trên đất nhà một tầng, móng xây đá, tường xây gạch, mái lợp tôn. Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất không có tranh chấp.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:

* Về tuân theo pháp luật tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án trong quá trình giải quyết vụ án thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt tại các phiên họp và phiên hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa.

* Về nội dung vụ án:

Căn cứ các Điều 274, 275, 317, 319, 323, 463, 465, 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Đề nghị xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân thành phố Pleiku nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:

Bà Cao Thị D, ông Trần Đình Tr và Ngân hàng Agribank giao kết hợp đồng tín dụng giữa một bên là cá nhân không có đăng ký kinh doanh với một bên là tổ chức tín dụng; mục đích xin vay: Làm kinh tế gia đình (Chi phí kinh doanh sản xuất, phục vụ đời sống gia đình). Do đó, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là: “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại Khoản 5 Điều 9 của Hợp đồng tín dụng số: 5020-LAV-201901702 ngày 19-10-2019 thể hiện các bên lựa chọn Tòa án nơi có trụ sở của Ngân hàng là Agribank Chi nhánh Đông Gia Lai là Tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố Pleiku thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự:

Bị đơn không có yêu cầu phản tố đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn tại phiên tòa.

[2] Về nội dung vụ án:

Tài liệu trong vụ án là Hợp đồng thế chấp số: 2317090791/HĐTC ngày 19-9-2017 là những tình tiết sự kiện đã được ghi trong văn bản được công chứng, chứng thực hợp pháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

Ngân hàng Agribank yêu cầu Tòa án giải quyết buộc buộc bà Cao Thị D và ông Trần Đình T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ tiền gốc và tiền lãi phát sinh tạm tính đến ngày 12-01-2022 số tiền là: **365.797.459 đồng** và trả khoản tiền lãi tiếp tục phát sinh từ ngày 13-01-2022 theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số: 5020-LAV-201901702 ngày 19-10-2019 đã ký kết cho đến khi thanh toán hết nợ cho ngân hàng.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện và các tài liệu, chứng nộ kèm theo đơn khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng tín dụng số: 5020-LAV-201901702 ngày 19-10-2019 (sau đây viết tắt là: Hợp đồng tín dụng) được giao kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện; đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền ký kết, về nội dung và hình thức của hợp đồng. Vì vậy, Hợp đồng tín dụng này có hiệu lực pháp luật, đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ pháp lý ràng buộc các bên phải thực hiện.

Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, ngày 19-10-2019, Ngân hàng Agribank đã giải ngân số tiền vay trên theo Báo cáo đề xuất giải ngân kèm giấy nhận nợ số giải ngân: 5020-LDS – 201903197 nên ngày đến hạn trả nợ gốc là ngày 19-10-2020. Do đó, ngân hàng Agribank thực hiện đúng Hợp đồng tín dụng về khoản vay và giải ngân vốn cho vay. Tuy nhiên, bà Cao Thị D và ông Trần Đình T không thanh toán tiền lãi vay và gốc nên đã vi phạm Hợp đồng tín dụng. Đến nay, bà D và ông T không tới Tòa án làm việc, không tham gia phiên tòa và không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh đã thanh toán số tiền vay, tiền lãi của hợp đồng tín dụng nên vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng tín dụng. Căn cứ vào Điều 280, khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Agribank, buộc bà Cao Thị D và ông Trần Đình T phải trả toàn bộ số tiền gốc và lãi phát sinh tạm tính đến ngày **12-01-2022 là: 365.797.459 đồng** và tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 13-01-2022) cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bà D và ông T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[3] Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Xét Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 2317090791/HĐTC ngày 19-7-2017 thì thấy rằng: Việc thế chấp tài sản thể hiện ý chí của các bên khi giao kết hợp đồng. Mục đích, nội dung, hình thức của hợp đồng thế chấp phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội và đã được công chứng hợp pháp và tài sản thế chấp đã được đăng ký giao dịch

bảo đảm nên có giá trị pháp lý và hiệu lực thi hành. Do vậy, trường hợp bà Cao Thị D và ông Trần Đình T không thanh toán được khoản tiền nợ trên thì nguyên đơn được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

[4] Bị đơn phải chịu chi phí, xem xét thẩm định tại chỗ do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận. Do đó, bị đơn phải trả lại cho nguyên đơn số tiền 7.200.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

[5] Về án phí:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí, trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về dân sự có giá ngạch.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 280, khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 9, 10, 12 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm;

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 91, khoản 2 Điều 92, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam.

Buộc bà Cao Thị D và ông Trần Đình T phải trả cho Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam số tiền nợ gốc và tiền lãi tạm tính đến ngày 12-01-2022 tổng cộng số tiền là: **365.797.459 đồng (Ba trăm sáu mươi lăm triệu bảy trăm chín mươi bảy nghìn bốn trăm năm mươi chín đồng);** trong đó: tiền nợ gốc là: **300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng),** tiền nợ lãi là: **65.797.459 đồng (Sáu mươi lăm triệu bảy trăm chín mươi bảy nghìn bốn trăm năm mươi chín đồng)**

Kể từ ngày 13-01-2022, bà Cao Thị D và ông Trần Đình Th tiếp tục phải chịu lãi suất đối với khoản nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số: 5020-LAV-201901702 ngày 19-10-2019 tương ứng với thời gian chậm trả cho đến ngày thanh toán xong nợ gốc.

2. Trong trường hợp bà Cao Thị D và ông Trần Đình T không trả được số nợ nêu trên thì Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, bán tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 2317090791/HĐTC ngày 19-9-2017 để thu hồi nợ gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là thửa đất số 156; tờ bản đồ số 11, tại Làng Chuyết 2, phường T L, thành phố P, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 300799 do Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai cấp ngày 17-10-2011.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Buộc bà Cao Thị D và ông Trần Đình T phải trả lại cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam số tiền 7.200.000 đồng (*Bảy triệu hai trăm nghìn đồng*) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí:

Bà Cao Thị D và ông Trần Đình T **phải chịu 18.289.872 đồng (*Mười tám triệu hai trăm tám mươi chín nghìn tám trăm bảy mươi hai đồng*)** tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.622.094 đồng (Tám triệu sáu trăm hai mươi hai nghìn không trăm chín mươi bốn đồng) theo biên lai số 0000834 ngày 08 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

5. Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

6. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND Tp P;
- Chi cục THADS Tp P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Thắm

